

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 04-9-2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - LÀO CAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Thoảng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hằng

2. Ông Nguyễn Đức Khâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Bích Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 161/2025/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2025 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2025/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Đặng Thị M, sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, tỉnh Lào Cai (có mặt).

2. **Bị đơn:** Anh Lý Văn Đ, sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, tỉnh Lào Cai (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Đặng Thị M trình bày: Tôi và anh Lý Văn Đ kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện. Đăng ký ngày 19/10/2006 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 4/2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm sống của vợ chồng bất đồng từ đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng xảy ra và năm 2023 tôi đã làm đơn ly hôn gửi Tòa án nhân dân huyện V nhưng sau đó anh Đ xin lỗi và tôi đã vì con suy nghĩ lại và rút đơn. Vợ chồng về đoàn tụ với nhau cho đến tháng 5/2025 vợ chồng lại xảy ra mâu thuẫn, khi mâu thuẫn thì anh Đ lại dọa chém tôi. Vì các mâu thuẫn vợ chồng xảy ra không thể khắc phục được. Nên chúng tôi đã quyết định sống ly thân nhau không ai quan tâm đến ai cả. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn gì nữa. Không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa. Đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn anh Đ.

Về con chung: Có 03 cháu Lý Quỳnh C sinh ngày 18/10/2007; Lý Phương D sinh ngày 03/6/2010; Lý Tiến T sinh ngày 21/10/2016. Khi ly hôn về con tôi và anh Đ đã thỏa thuận tôi nuôi cháu D; anh Đ nuôi cháu C và cháu T. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Công việc của tôi hiện nay làm nghề tự do, thu nhập bình quân một tháng 10.000.000 đồng đủ để nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án. Tòa án đã nhiều lần báo gọi và gửi Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Đ không có mặt theo các giấy tờ của Tòa án. Hiện nay hộ khẩu của anh Đ tại thôn Đ, xã T, tỉnh Lào Cai. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các giấy tờ báo gọi cho anh Đ. Anh Đ là người trực tiếp nhận các văn bản của Tòa án và anh Đ biết việc Tòa án báo gọi đến để giải quyết việc chị M xin ly hôn anh. Nhưng anh Đ không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án nên Tòa án không thể lấy lời khai và hòa giải theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự được.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lào Cai phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự, quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Đặng Thị M được ly hôn anh Lý Văn Đ.

Về con chung: Căn cứ Điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình xử giao cháu Lý Phương D sinh ngày 03/6/2010 cho chị Đặng Thị M nuôi dưỡng. Giao cháu Lý Quỳnh C sinh ngày 18/10/2007 và cháu Lý Tiến T sinh ngày 21/10/2016 cho anh Lý Văn Đ nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị M đề nghị tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Đặng Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp về Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập bị đơn hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách người tham gia tố tụng: Tòa án đã xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, bị đơn trong vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị M và anh Lý Văn Đ kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái vào ngày 19 tháng 10 năm 2006 là hôn nhân hợp pháp. Chị M cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 4/2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm sống của vợ chồng bất đồng từ đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng xảy ra. Hiện nay anh chị đã sống ly thân nhau không ai quan tâm đến ai cả. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn. Chị M xin ly hôn anh Đ là có căn cứ.

Tại điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”*.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và phát biểu đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Đã xác định mâu thuẫn vợ chồng xảy ra dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn và hiện nay anh chị đã sống ly thân nhau không ai quan tâm đến ai cả. Từ đó có căn cứ cho rằng tình trạng hôn nhân giữa chị M và anh Đ đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để xử cho chị M được ly hôn anh Đ là có căn cứ.

[4] Về con chung: Có 03 cháu Lý Quỳnh C sinh ngày 18/10/2007; Lý Phương D sinh ngày 03/6/2010; Lý Tiến T sinh ngày 21/10/2016. Khi ly hôn chị M và anh Đ đã thỏa thuận về con chung chị M nuôi cháu D; anh Đ nuôi cháu C và cháu T. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho các cháu được ổn định và không làm xáo trộn cuộc sống của các cháu và theo nguyện vọng của các cháu. Do vậy cần giao cháu D cho chị M nuôi dưỡng, giao cháu C và cháu T cho anh Đ nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Yêu cầu của chị M về nuôi con chung không trái quy định tại Điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị M đề nghị tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Đặng Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Phần đề nghị tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lào Cai là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đặng Thị M được ly hôn anh Lý Văn Đ.

2. Về con chung: Có 03 cháu Lý Quỳnh C sinh ngày 18/10/2007; Lý Phương D sinh ngày 03/6/2010; Lý Tiến T sinh ngày 21/10/2016.

Xử giao cháu Lý Phương D cho chị Đặng Thị M trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu D đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật. Xử giao cháu Lý Quỳnh C và cháu Lý Tiến T cho anh Lý Văn Đ trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu C và cháu T đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con không ai được ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Đặng Thị M phải chịu 300.000 đồng tiền án dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị M đã nộp theo biên lai số: AA/2024/0002275 ngày 20 tháng 6 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Yên. Xác nhận chị Đặng Thị M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Đặng Thị M được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lý Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai
- VKSND khu vực 3
- THADS tỉnh Lào Cai
- Các đương sự (2)
- UBND xã T
- Lưu HS -TQĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Thoảng

